

Số: 182 /KH-UBND

Bình Phước, ngày 17 tháng 8 năm 2018

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng
giai đoạn 2018- 2020 trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-TTg ngày 22/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Chỉ thị số 46/CT-TTG ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới; Quyết định số 718/QĐ-BYT ngày 29/01/2018 của Bộ Y tế phê duyệt kế hoạch hành động quốc gia về dinh dưỡng đến năm 2020,

Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2020, bữa ăn của người dân được cải thiện về số lượng, cân đối hơn về chất lượng, bảo đảm an toàn vệ sinh; suy dinh dưỡng trẻ em, đặc biệt thể thấp còi được giảm mạnh, góp phần nâng cao tầm vóc và thể lực của người Việt Nam, kiểm soát hiệu quả tình trạng thừa cân, béo phì góp phần hạn chế các bệnh mạn tính không lây liên quan đến dinh dưỡng.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu 1: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em

- Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (dưới 2500 gram): < 5% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi thể nhẹ cân: < 13,6% vào năm 2018 và < 12,8% vào năm 2020.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ < 5 tuổi: < 26,8% vào năm 2018 và < 25,8% vào năm 2020.

2.2. Mục tiêu 2: Cải thiện tình trạng vi chất dinh dưỡng

- Duy trì > 95% trẻ em từ 6 - 60 tháng tuổi được uống vitamin A 02 lần/năm.

- Duy trì > 85% bà mẹ sau sinh trong vòng 1 tháng được uống vitamin A.

- Giảm tỷ lệ thiếu máu của phụ nữ mang thai, giữ ở mức 25,5%

- Giảm tỷ lệ thiếu máu của trẻ em < 5 tuổi ở mức < 15%.

- Tỷ lệ hộ dân dùng muối I ốt hàng ngày đủ tiêu chuẩn phòng bệnh > 95%.

2.3. Mục tiêu 3: Góp phần khống chế tình trạng thừa cân, béo phì ở trẻ em.

Tỷ lệ thừa cân béo phì ở trẻ em dưới 5 tuổi: < 6%.

2.4. Mục tiêu 4: Nâng cao hiểu biết và tăng cường thực hành dinh dưỡng hợp lý.

- Tăng tỷ lệ trẻ được bú mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt 15% vào năm 2018 và đạt 20% vào năm 2020.

- Tỷ lệ bà mẹ có thai được khám thai đủ 3 lần đạt 95%.

- Tỷ lệ bà mẹ có con < 2 tuổi được hướng dẫn thực hành dinh dưỡng đạt 75% vào năm 2020.

- Tỷ lệ phụ nữ có thai được hướng dẫn thực hành dinh dưỡng đạt 75% vào năm 2020.

- Tỷ lệ bà mẹ có con < 6 tháng tuổi được hướng dẫn nuôi con bằng sữa mẹ đúng cách đạt 90%.

- Đảm bảo 100% cán bộ chuyên trách huyện, xã và cộng tác viên dinh dưỡng được tập huấn, cập nhật kiến thức về chăm sóc dinh dưỡng.

2.5. Mục tiêu 5: Nâng cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, nhận thức của người dân về phòng, chống các bệnh không lây nhiễm.

- 60% người dân hiểu đúng về tăng huyết áp, tai biến mạch máu não, nhồi máu cơ tim và các yếu tố nguy cơ tim mạch chính.

- 65% người dân trong cộng đồng hiểu đúng về bệnh đái tháo đường và những biến chứng, tác hại đối với sức khỏe.

2.6. Mục tiêu 6: Tăng cường công tác chỉ đạo và phối hợp liên ngành nhằm góp phần giảm thiểu các hành vi nguy cơ chính gây mắc các bệnh không lây nhiễm.

- Giảm 5% tỷ lệ uống rượu, bia ở mức có hại ở người trưởng thành so với năm 2015: giảm tỷ lệ có uống rượu, bia ở nhóm vị thành niên xuống còn 20%;

- Giảm 15% mức tiêu thụ muối trung bình/người/ngày ở người trưởng thành so với năm 2015;

- Giảm 5% tỷ lệ thiếu hoạt động thể lực ở người trưởng thành so với năm 2015.

2.7. Mục tiêu 7: Hạn chế sự gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh và tử vong sớm do bệnh không lây nhiễm.

- Khống chế tỷ lệ bị thừa cân béo phì ($BMI \geq 23$) < 15% ở người trưởng thành; khống chế tỷ lệ thừa cân béo phì < 10% ở trẻ em;

- Không chế tỷ lệ cholesterol máu cao ($>5,0$ mmol/L) $< 35\%$ ở người trưởng thành;
- Không chế tỷ lệ bị tăng huyết áp $< 30\%$ ở người trưởng thành;
- 40% số người bị tăng huyết áp được phát hiện; 50% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo phác đồ;
- Không chế tỷ lệ bị tiền đái tháo đường $< 16\%$ và tỷ lệ bị đái tháo đường $< 8\%$ ở người dân từ 30 - 69 tuổi;
- Giảm tỷ lệ bị mắc đái tháo đường không được phát hiện trong cộng đồng $< 50\%$. Trong số được phát hiện, theo dõi, quản lý và điều trị được 70% người tiền đái tháo đường và 60% đái tháo đường type 2.

2.8. Mục tiêu 8: Nâng cao năng lực và hiệu quả trong dự phòng, giám sát, phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm: 100% cán bộ y tế thực hiện công tác phòng, chống bệnh không lây nhiễm tuyến tỉnh, huyện và 50% cán bộ y tế tuyến xã được đào tạo, tập huấn về dự phòng, giám sát, phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị theo quy định.

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp về chính sách

1.1. Triển khai thực hiện Chỉ thị số 46/CT-TTg ngày 21/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác dinh dưỡng trong tình hình mới.

- Tiếp tục tập trung chỉ đạo các hoạt động để thực hiện chỉ tiêu giảm suy dinh dưỡng thể nhẹ cân; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu về dinh dưỡng; huy động xã hội hóa trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng.

- Đẩy mạnh chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em trong 1.000 ngày đầu đời, bảo đảm dinh dưỡng hợp lý đối với học sinh mẫu giáo, tiểu học và dinh dưỡng trong bữa ăn gia đình nhằm sớm chấm dứt các thể suy dinh dưỡng; tăng cường phòng, chống các rối loạn chuyển hóa, các yếu tố nguy cơ sức khỏe liên quan đến dinh dưỡng.

- Đề xuất việc cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng đặc thù hỗ trợ cho vùng nghèo, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là phụ nữ có thai, trẻ em < 5 tuổi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

1.2. Đưa chỉ tiêu giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi là một trong những chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

1.3. Kiện toàn Ban Chỉ đạo kế hoạch về dinh dưỡng trên cơ sở lồng ghép trong nội dung nhiệm vụ và hoạt động của Ban Chăm sóc sức khỏe nhân dân; xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong triển khai thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện tình trạng dinh dưỡng; có chính sách, giải pháp huy động, khuyến khích các tổ chức đoàn thể tham gia thực hiện Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng.

- Có chính sách hỗ trợ kinh phí cho cộng tác viên làm công tác dinh dưỡng tại cộng đồng (thực hiện việc cân, đo trẻ định kỳ trong năm, cân đo trẻ em < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng).

- Hàng năm, tiến hành tổng cân đo trẻ em < 5 tuổi, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng cho trẻ em < 5 tuổi trong giai đoạn tới.

2. Giải pháp về nguồn lực

- Đào tạo, củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ làm công tác dinh dưỡng, nhất là mạng lưới cán bộ chuyên trách và cộng tác viên dinh dưỡng ở tuyến cơ sở.

- Nâng cao năng lực quản lý điều hành các chương trình hoạt động dinh dưỡng hợp lý cho cán bộ các cấp từ tỉnh đến địa phương.

- Tăng mức đầu tư cho công tác dinh dưỡng hợp lý bao gồm: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn hỗ trợ và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách cho hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng, phòng chống các bệnh mạn tính không lây nhiễm trên địa bàn tỉnh.

3. Giải pháp về truyền thông giáo dục dinh dưỡng

- Truyền thông trực tiếp tại thôn, bản các thông tin cơ bản về chế độ dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, nuôi con bằng sữa mẹ, dinh dưỡng cho trẻ em, dinh dưỡng phòng chống các bệnh không lây nhiễm và dinh dưỡng đối với các nhóm đối tượng có nguy cơ cao.

- Sử dụng hình thức tuyên truyền bằng tờ rơi trực tiếp đến hộ gia đình, nhất là các hộ gia đình có trẻ suy dinh dưỡng. Sử dụng các hình ảnh dễ hiểu, dễ nhớ, có hiệu quả giúp thay đổi hành vi thực hành dinh dưỡng cho cộng đồng.

- Tổ chức truyền thông trong trường học, tư vấn phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì thiếu máu dinh dưỡng cho học sinh và phụ huynh học sinh.

- Tăng cường các hình thức truyền thông:

* Nội dung thực hiện trên sóng phát thanh, truyền hình:

+ Các thông điệp về hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em.

+ Các thông điệp về dinh dưỡng hợp lý và chăm sóc trẻ em.

+ Các phóng sự về hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng.

+ Tọa đàm về cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em.

* Nội dung thực hiện trên báo chí:

+ Tin bài về hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng tại cộng đồng.

+ Tin bài về kiến thức dinh dưỡng hợp lý, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ em.

- Triển khai các hoạt động truyền thông với nội dung, phương thức phù hợp với từng địa bàn và từng nhóm đối tượng nhằm nâng cao tính ứng dụng thực tiễn và thực hành dinh dưỡng hợp lý trong nhân dân

4. Giải pháp về chuyên môn kỹ thuật

- Xây dựng các giải pháp can thiệp ưu tiên cho những vùng nghèo, khó khăn, dân tộc thiểu số và các nhóm đối tượng có nguy cơ khác.

- Tập trung chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ trong giai đoạn 1000 ngày đầu đời, gồm chăm sóc dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước, trong và sau sinh, vận động nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và ăn bổ sung hợp lý cho trẻ < 2 tuổi.

- Bổ sung vi chất dinh dưỡng kịp thời, hợp lý cho trẻ em, phụ nữ tuổi sinh đẻ, phụ nữ có thai; bảo đảm bà mẹ sau sinh và trẻ em từ 6 - 60 tháng tuổi được uống vitamin A.

- Tẩy giun định kỳ cho trẻ em, học sinh, phụ nữ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Triển khai các hoạt động dinh dưỡng hợp lý tại trường học: giáo dục, truyền thông, tư vấn cho học sinh, giáo viên, phụ huynh học sinh về nhu cầu dinh dưỡng, dinh dưỡng hợp lý và tăng cường hoạt động thể lực; phối hợp giữa nhà trường và gia đình để đảm bảo có chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho từng nhóm tuổi trong học đường để phát triển tốt về tầm vóc và thể chất.

- Nâng cao hiệu quả của công tác tư vấn, hướng dẫn và phục hồi dinh dưỡng trên cơ sở sử dụng hiệu quả các loại thực phẩm sẵn có ở địa phương; phòng chống thừa cân béo phì và các bệnh không lây nhiễm tại các tuyến.

- Theo dõi giám sát thường quy và tổ chức điều tra đánh giá tiến độ thực hiện của kế hoạch để tổng hợp báo cáo theo quy định.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI

1. Công tác tập huấn

- Nội dung tập huấn:

+ Phòng chống thiếu vitamin A và kết hợp tẩy giun.

+ Tổ chức triển khai bổ sung vitamin A kết hợp tẩy giun tại cộng đồng.

+ Hướng dẫn về các hoạt động dinh dưỡng cho bà mẹ và trẻ em tại cộng đồng, công tác giám sát, thống kê và báo cáo hoạt động dinh dưỡng tại cộng đồng.

+ Hướng dẫn về các vấn đề liên quan đến tình trạng dinh dưỡng của trẻ tuổi học đường, phương pháp đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh, bữa ăn học đường.

- Đối tượng:

+ Cán bộ quản lý chương trình dinh dưỡng + cán bộ chuyên trách dinh dưỡng tuyến huyện/thị: 02 người/huyện, thị.

+ Cán bộ chuyên trách chương trình dinh dưỡng tuyến xã/phường: 01 người/xã, phường.

+ Cán bộ y tế trường học: 01 người/trường

+ Cộng tác viên dinh dưỡng, y tế thông bản: 01 người/thôn

2. Triển khai chiến dịch uống vitamin A

2.1. Nội dung truyền thông

- Ý nghĩa của việc cải thiện tình trạng vitamin A đối với sức khỏe cộng đồng:

+ Bổ sung vitamin A trên quần thể trẻ có nguy cơ thiếu vitamin A làm giảm 23% tỷ lệ tử vong.

+ Bổ sung vitamin A làm giảm tử vong ở trẻ bị mắc bệnh sỏi.

+ Bổ sung carotene hay vitamin A làm giảm tử vong mẹ.

+ Bổ sung vitamin A làm giảm thiếu máu (do cơ chế tăng huy động sắt trong cơ thể).

- Vai trò của vitamin A đối với cơ thể gồm: Chức năng phát triển, chức năng nhìn, bảo vệ biểu mô và miễn dịch cơ thể.

2.2. Hình thức truyền thông

- Truyền thông rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến xã/phường.

- Treo băng rôn, khẩu hiệu, cấp phát băng đĩa, tờ rơi, áp phích...

2.3. Đối tượng

- Uống trong chiến dịch: Bổ sung viên nang vitamin A liều cao cho trẻ từ 6 - 60 tháng tuổi 02 lần/năm.

- Uống thường xuyên:

+ Bổ sung viên nang vitamin A cho các bà mẹ sau sinh trong vòng 30 ngày.

+ Bổ sung vitamin A đối với trẻ < 6 tháng tuổi không được bú mẹ, trẻ < 5 tuổi mắc các bệnh có nguy cơ cao thiếu vitamin A như: sỏi, tiêu chảy kéo dài, viêm đường hô hấp cấp tính, suy dinh dưỡng nặng... Thực hiện cấp bổ sung vitamin A thường xuyên tại các Trạm Y tế, khoa nhi, khoa sản của Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Trung tâm Y tế các huyện, thị.

2.4. Thời gian thực hiện hàng năm

- Đợt 1 vào ngày 01/6 - 02/6
- Đợt 2 vào ngày 11/12 - 12/12.

2.5. Kiểm tra, đánh giá triển khai chiến dịch uống vitamin A

- Kiểm tra công tác tổ chức triển khai chiến dịch uống vitamin A đợt 1 và chiến dịch uống vitamin A đợt 2 của tuyến huyện, tuyến xã, phường theo biểu mẫu của chương trình.

- Cùng cố hoạt động phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng tuyến huyện, thị.

- Kiểm tra phân phối vitamin A cho tuyến xã, phường và theo dõi việc sử dụng viên nang vitamin A đúng liều, đúng đối tượng...

3. Triển khai tuần lễ dinh dưỡng và phát triển

3.1. Nội dung thực hiện

- Phối hợp các ban, ngành, đoàn thể tăng cường công tác truyền thông giáo dục.

- Tuyên truyền phổ biến kiến thức về dinh dưỡng và thực hành nuôi con cho các bà mẹ có con < 5 tuổi.

- Tuyên truyền toàn dân tham gia xây dựng hệ sinh thái vườn - ao - chuồng. Đa dạng hóa bữa ăn gia đình, sử dụng nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng sẵn có tại địa phương.

- Tuyên truyền nâng cao kiến thức về phòng chống thiếu máu dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, phụ nữ tuổi sinh đẻ (15 - 49 tuổi) chế độ ăn uống hợp lý và vận động mua viên sắt - acid Folic uống bổ sung để phòng chống thiếu máu, thiếu sắt.

3.2. Thời gian thực hiện hàng năm: Từ 16/10 - 23/10.

3.3. Hình thức truyền thông:

- Truyền thông trên đài truyền thanh huyện/thị, loa phát thanh xã/phường/thị trấn.

- Tuyên truyền: Treo băng rôn, khẩu hiệu, cấp phát băng đĩa, tờ rơi, áp phích...

3.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động triển khai “Tuần lễ Dinh dưỡng và Phát triển”.

- Kế hoạch triển khai các hoạt động của huyện/thị và phối hợp triển khai tuyến xã.

- Tổ chức phối hợp với các ban, ngành, chính quyền huyện và các xã để huy động sự tham gia và ủng hộ của cộng đồng.

- Treo băng rôn, khẩu hiệu trên các trục lộ chính và tại Trạm Y tế.

4. Triển khai tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ

4.1. Nội dung thực hiện

- Phối hợp các ban, ngành, đoàn thể tăng cường công tác truyền thông giáo dục.
- Giáo dục truyền thông dinh dưỡng: Kiến thức dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai, nuôi con bằng sữa mẹ, chế độ ăn dặm đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho trẻ em.
- Các thông điệp ngắn về: Chương trình phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ em, nuôi con bằng sữa mẹ, dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai.

4.2. Thời gian thực hiện hàng năm: Từ ngày 01/8 - 08/8

4.3. Hình thức truyền thông

- Truyền thông trên Đài Truyền thanh huyện/thị, loa phát thanh xã/phường.
- Tuyên truyền: Treo băng rôn, khẩu hiệu, cấp phát băng đĩa, tờ rơi, áp phích...

4.4. Kiểm tra, đánh giá hoạt động triển khai “Tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ”

- Kế hoạch triển khai các hoạt động của huyện/thị và phối hợp triển khai tuyên truyền xã/phường.
- Tổ chức phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể cấp huyện và cấp xã để huy động sự tham gia, ủng hộ của cộng đồng.
- Treo băng rôn, khẩu hiệu trên các trục lộ chính và tại Trạm Y tế.

5. Tổ chức điều tra giám sát dinh dưỡng

5.1. Nội dung điều tra

- Nhân trắc trẻ em < 5 tuổi.
- Nhân trắc bà mẹ có con < 5 tuổi.
- Điều tra độ bao phủ vitamin A, sắt, I ốt.
- Điều tra về kiến thức dinh dưỡng của bà mẹ.
- Tập quán ăn uống, nuôi con bằng sữa mẹ.
- Tình hình chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em.
- Điều tra mức độ tiếp cận với chương trình dinh dưỡng.
- Nguồn an ninh thực phẩm.

5.2. Đối tượng và địa điểm điều tra

- Đối tượng điều tra: Khoảng 1.530 trẻ < 5 tuổi và bà mẹ của số trẻ em nói trên.

- Địa điểm điều tra: 30 cụm xã/phường tại 11 huyện/thị trên địa bàn tỉnh (Do Viện dinh dưỡng chọn hàng năm).

6. Tiếp tục kiện toàn tổ chức và phân công trách nhiệm nâng cao chất lượng hệ thống triển khai

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo Chương trình cấp tỉnh, huyện, xã;
- Kiện toàn đội ngũ chuyên trách dinh dưỡng cấp tỉnh, huyện, xã và đội ngũ y tế thôn bản, cộng tác viên dinh dưỡng.

7. Theo dõi tăng trưởng trẻ em < 5 tuổi

- Trẻ sơ sinh được cân đầy đủ.
- Trẻ em từ 0 - 2 tuổi được cân đo và theo dõi biểu đồ tăng trưởng ít nhất 01 lần/quý (4 lần/năm).

- Trẻ < 5 tuổi được cân đo và đánh giá tăng trưởng ít nhất 01 lần/năm (tổng cân đo tháng 6), phát hiện sớm những trẻ bị thừa cân - béo phì để có biện pháp can thiệp kịp thời.

- Trẻ < 5 tuổi bị suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi, suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi được theo dõi hàng tháng cho đến khi thoát khỏi suy dinh dưỡng.

- Đối với trẻ < 5 tuổi được đến trường phải được bảo vệ và chăm sóc sức khỏe theo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12/5/2016 của Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học.

8. Cung cấp các công cụ để theo dõi tăng trưởng trẻ em

- Cung cấp trang thiết bị theo dõi tình trạng dinh dưỡng của trẻ gồm cân, thước đo (chiều cao đứng/chiều dài nằm), thước đo vòng cánh tay, cân đặc chủng để đo cân nặng của trẻ sơ sinh.

- Cung cấp biểu đồ phát triển cho trẻ < 2 tuổi.

9. Phục hồi dinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng nặng

Cung cấp các sản phẩm dinh dưỡng giàu vi chất và năng lượng cho trẻ em bị suy dinh dưỡng nặng và trẻ em trong các vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc (Trung ương hỗ trợ nếu có).

10. Theo dõi, giám sát và đánh giá các hoạt động triển khai tại cộng đồng

- Hàng tháng thông qua giao ban tuyến huyện nắm bắt tình hình thực hiện hoạt động của các chương trình.

- Cán bộ chuyên trách chương trình mục tiêu của tuyến tỉnh giám sát 01 lần/quý tuyến huyện, xã và y tế thôn bản để điều chỉnh kịp thời kế hoạch triển khai cho phù hợp.

- Thu thập số liệu qua đội ngũ Y tế thôn bản 01 lần/quý đối với trẻ em < 2 tuổi, phụ nữ có thai và các hoạt động truyền thông dinh dưỡng; 6 tháng/lần đối với toàn bộ trẻ em < 5 tuổi.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Tổ chức, giám sát việc triển khai các hoạt động dinh dưỡng tại địa phương. Tổ chức họp Ban Chỉ đạo chương trình tuyến tỉnh theo quy định.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh; bảo đảm gắn kết chặt chẽ các chiến lược, chương trình, đề án liên quan; xây dựng các dự án, đề án phù hợp với mục tiêu của kế hoạch trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và triển khai thực hiện;

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai các hoạt động dinh dưỡng học đường;

- Tổ chức và chỉ đạo các đơn vị y tế xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm dựa trên hướng dẫn chuyên môn của Viện Dinh dưỡng, Bộ Y tế và tình hình thực tế của tỉnh;

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp việc thực hiện Kế hoạch và định kỳ báo cáo về Bộ Y tế, UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tham mưu UBND tỉnh lồng ghép các chỉ tiêu về tình hình thực hiện Kế hoạch Chiến lược quốc gia về dinh dưỡng vào Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội hàng năm và 05 năm của tỉnh.

3. Sở Tài chính

Bố trí, phân bổ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn sự nghiệp y tế hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án của Kế hoạch; đồng thời, phối hợp với Sở Y tế hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc sử dụng kinh phí thực hiện công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Thực hiện chương trình giáo dục dinh dưỡng và thể chất cho học sinh từ mầm non đến đại học (tổ chức bữa ăn, sữa học đường cho trẻ mầm non và tiểu học); xây dựng mô hình dinh dưỡng trường học, chỉ đạo nâng cao chất lượng chăm sóc dinh dưỡng trẻ trong độ tuổi; tổ chức các bếp ăn tập thể trường học theo hướng dẫn “dinh dưỡng hợp lý”; từng bước thực hiện đưa nội dung giáo dục dinh dưỡng lồng ghép vào giáo trình giảng dạy ở các cấp học;

- Tăng cường phối hợp với ngành y tế: Tổ chức tuyên truyền, giáo dục về dinh dưỡng thông qua các buổi nói chuyện, hội thảo, hội thi trong các trường

học; theo dõi, giám sát tình trạng dinh dưỡng, các can thiệp dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe cho học sinh trong trường học.

- Chỉ đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Trung tâm Y tế huyện/thị, các đơn vị trực thuộc Sở Y tế thực hiện các hoạt động có liên quan như: khám sức khỏe trẻ định kỳ, tẩy giun cho học sinh, nha học đường...

- Phối hợp liên ngành, kiểm tra giám sát căn-tin, bếp ăn trong khuôn viên trường học.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các ban, ngành liên quan xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ nói chung cho đối tượng người nghèo, cận nghèo, vùng đồng bào dân tộc, vùng khó khăn;

- Phối hợp với Sở Y tế trong quản lý, chăm sóc và nuôi dưỡng các đối tượng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tổ chức khám sàng lọc phát hiện sớm các bệnh về chuyển hóa, các dị tật bẩm sinh để can thiệp điều trị đạt hiệu quả.

6. Hội Nông dân tỉnh

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch và giải pháp bảo đảm an ninh lương thực thực phẩm. Tổ chức, vận động trong các cấp hội hạn chế sử dụng chất hóa học, chất kích thích trong sản xuất và nuôi trồng; phối hợp triển khai chương trình cung cấp nước sạch nông thôn, vệ sinh môi trường;

- Có kế hoạch triển khai trong hội viên nhằm bảo đảm an toàn trong sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm, phát triển mô hình sinh thái vườn - ao - chuồng. Vận động hội viên thực hiện mô hình ô dinh dưỡng.

7. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

- Căn cứ vào định hướng chuyên môn, nội dung tuyên truyền của Ban Chỉ đạo Chương trình để tổ chức phổ biến các kiến thức về sức khỏe và dinh dưỡng hợp lý cho các hội viên và các bà mẹ; vận động cộng đồng cùng tham gia phối hợp chặt chẽ với ngành Y tế triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản, phụ nữ mang thai và dinh dưỡng góp phần cải thiện tình trạng dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em;

- Vận động trong hội viên xây dựng gia đình không sinh con thứ ba; nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Tuyên truyền vận động trong chị em phụ nữ quan tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Tổ chức giám sát, củng cố hoạt động các Câu lạc bộ dinh dưỡng;

- Phối hợp lồng ghép nội dung đào tạo về sức khỏe sinh sản và phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em vào các lớp đào tạo đối với cán bộ Hội, tổ chức các hội thi tìm hiểu về kiến thức và thực hành dinh dưỡng nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng tuyên truyền trong cán bộ Hội.

8. Tỉnh Đoàn

- Phối hợp với ngành Y tế thực hiện hoạt động giáo dục truyền thông về sức khoẻ sinh sản vị thành niên, đặc biệt trong các trường PTTH, trong lực lượng cán bộ đoàn các đơn vị;
- Lòng ghép giáo dục giới tính, tư vấn hôn nhân gia đình ở các Câu lạc bộ tiền hôn nhân, Câu lạc bộ gia đình trẻ.

9. Báo Bình Phước, Đài Phát thanh và Truyền hình

- Phối hợp với Sở Y tế, Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe tỉnh tổ chức các sự kiện, các hoạt động thông tin, truyền thông về dinh dưỡng, chú trọng các thông tin về dinh dưỡng hợp lý. Mở các chuyên mục, trang tin phục vụ cho hoạt động của chương trình trên các báo đài địa phương;
- Phối hợp với Sở Y tế và các ban, ngành liên quan phản ánh và đưa tin theo hướng tích cực trong việc kiểm soát quảng cáo về dinh dưỡng và thực phẩm dinh dưỡng có liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng.

10. UBND các huyện, thị: Trên cơ sở kế hoạch này, xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với tình hình của địa phương; cân đối, bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để tổ chức thực hiện.

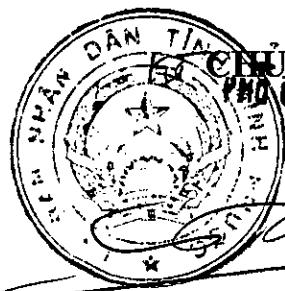
V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Nguồn kinh phí được cấp từ Trung ương.
- Kinh phí ngân sách nhà nước được bố trí từ dự toán chi thường xuyên của tỉnh;
- Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh;
- Nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Trên đây là nội dung Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng giai đoạn 2018- 2020 trên địa bàn tỉnh; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành có liên quan; UBND các huyện, thị xã triển khai thực hiện nghiêm túc./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã;
- LĐVP, các phòng: KGVX, TH;
- Lưu: VT, TD19.


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Tiên Dũng